

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Quang Hùng

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992; nơi ĐKKH: tổ dân phố T, thị trấn L1, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang ở: thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Trọng T, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố T, thị trấn L1, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/3/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Trọng T ngày 14/12/2016, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L1. Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, kinh tế gia đình khó khăn, chị có nói anh T thì anh T lại hay đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ ngày 08/3/2018 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên xin được ly hôn anh T.

Con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Trung T, sinh ngày 03/12/2017, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin nuôi con và yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung cùng là 1.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, công nợ gồm có: 01 ô tô tải Biển kiểm soát 88C-117.22, 7 tấn đăng ký xe mang tên T, anh T đã bán được 310.000.000đ. Sau khi bán xe, ngày 23/4/2018, anh T đã trả nợ cho Ngân hàng V1 chi nhánh V; trả nợ ông Trần Trung T1, bà Dương Thị S (bố mẹ đẻ anh T) 100.000.000đ.

Ngoài ra, vợ chồng chị còn có 01 chiếc máy giặt LG 8 kg và nợ ông Nguyễn Văn H (bố đẻ chị) 200.000.000đ.

Ly hôn, chị đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung; đối với khoản nợ Ngân hàng và khoản nợ bà S, ông T1 đã trả xong nên chị không đề nghị tòa án giải quyết và chị yêu cầu chia đôi khoản nợ chung của ông H, mỗi người trả 100.000.000đ.

Tài sản riêng, công sức: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn là anh Trần Trọng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án ngày 29/3/2018, anh T trình bày:

Anh T cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời nên vợ chồng cãi, chửi nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Con chung: Anh xác định như chị H trình bày là đúng. Ly hôn, anh xin nuôi con và không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh xác định như chị H trình bày là đúng và anh nhất trí với quan điểm của chị H.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2018/HNGĐ-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Trần Trọng T.

Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Trung T, sinh ngày 03/12/2017. Buộc anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2018 đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có thể lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn H 200.000.000đ; buộc anh T phải thanh toán chênh lệch nợ cho chị H 100.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì còn phải chịu một khoản tiền lãi do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thu H.

Tài sản riêng, công sức: Không có và Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã có Quyết định kháng nghị số: 319/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L để sửa bản án sơ thẩm như nội dung bản kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng nghị:

Thứ nhất, Quyết định kháng nghị cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định tại Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự về việc Bản án sơ thẩm đã không ghi ý kiến đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và không nêu căn cứ áp dụng để giải quyết việc rút một phần yêu cầu của đương sự trong bản án là vi phạm điểm b, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự quy định trong phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án phải ghi...đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án...Việc Tòa án cấp sơ thẩm không ghi ý kiến đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không nêu căn cứ để đình chỉ yêu cầu của đương sự là thiếu sót. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu giải quyết của đương sự như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát thì mới đúng, tuy nhiên tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã giải quyết đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đình chỉ yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của nguyên đơn. Việc giải quyết theo yêu cầu của đương sự vẫn được đảm bảo, vi phạm của Tòa sơ thẩm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm đối với vi phạm này, cần lưu ý Tòa sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm, tránh lặp lại.

Thứ hai, Tòa án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H xác định tổng số tiền chị Hà, anh T nợ ông là 200.000.000 đồng. Nay anh chị ly hôn ông yêu cầu anh chị có trách nhiệm trả cho ông, ông không yêu cầu lãi suất và không có yêu cầu độc lập. Chị Hà, anh T đều thừa nhận khoản nợ này, chị H đề nghị anh T có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 100.000.000 đồng, chị trả $\frac{1}{2}$ bằng 100.000.000 đồng cho ông H. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho ông H quyền yêu cầu độc lập đối với khoản nợ

trên nhưng ông H không có yêu cầu độc lập, Tòa án cũng không buộc ông H phải nộp tạm ứng án phí. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị H trả 200.000.000đồng cho ông H, buộc anh T thanh toán chênh lệch nợ cho chị H 100.000.000 đồng là vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận, cần sửa án sơ thẩm về giao cho anh T, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn H 200.000.000 đồng (mỗi người 100.000.000đồng) mới phù hợp - đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về phần giao trả nợ:

Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000đ; giao cho anh Trần Trọng T có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá

